

TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC
NAME OF AGENCY
ORGANIZATION

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số/No:

THÔNG BÁO
CHO BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TRƯỚC KHI TÀU
VÀO CẢNG
NOTIFICATION
TO MINISTRY OF AGRICULTURE AND RURAL DEVELOPMENT BEFORE
VESSEL ENTERING THE PORT

1. Cảng dự định vào/*Intended port of call*:
2. Quốc gia cảng/*Port State*:
3. Ngày/Date ... tháng/month ... năm/year ...; Giờ vào cảng dự kiến/*Estimated time of arrival*:giờ/hour phút/minute
4. Mục đích vào cảng/*Purpose (s)*:
5. Nơi và ngày rời cảng liền trước đó/*Port and date of last port call*:
6. Tên tàu biển/*Name of the vessel*:
7. Quốc gia mà tàu mang cờ/*Flag State*:
8. Loại tàu biển/*Type of vessel*:
9. Hồ hiệu quốc tế/*International radio call sign*:
10. Thông tin liên lạc của tàu/*Vessel contact information*:
11. (Các) chủ tàu/*Vessel owner(s)*:
12. Chứng nhận đăng ký số/*Certificate of Registry ID*:
13. Số hiệu tàu IMO (nếu có)/*IMO¹ ship ID (If available)*:
14. Số hiệu bên ngoài (nếu có)/*External ID (If available)*:
15. Số hiệu RFMO (nếu có)/*RFMO² ID (if applicable)*:
16. VMS³: Không có/No; Có/Yes: Quốc gia/National; Có/Yes: RFMO;
Loại/Type:

17. Kích thước tàu/Vessel Dimension: Chiều dài/length mét/m; Chiều rộng/Beam mét/m; Mớn nước/Draft.....mét/m.

18. Họ tên thuyền trưởng/Vessel master name:.....; quốc tịch/Nationality:.....

19. Các giấy phép khai thác được cấp/Relevant fishing authorization (s): Số/Identifier.....

Cơ quan cấp/Issuing by: Có giá trị đến/Validity ngày/Date tháng/month ... năm/year.....

Khu vực được phép khai thác/Fishing area:

.....

Đôi tượng được phép khai thác/Species.....

Ngư

cụ/Gear.....

....

20. Các giấy phép chuyển tải có liên quan/Relevant transshipment authorization (s):

- Số/Identifier:.....; Có giá trị đến/Validity:

.....

Cơ quan cấp/Issuing by.....

- Số/Identifier:; Có giá trị đến/Validity:

.....

Cơ quan cấp/Issuing by.....

21. Thông tin chuyển tải liên quan đến tàu chuyển tải/Transshipment information concerning donor vessel:

Ngày/Date ... tháng/month năm/year; Địa điểm/Location:.....

Tên tàu/Name of vessel:Quốc gia mà tàu treo cờ/Flag State:.....

Mã số/ID Number:.....Đôi tượng khai thác/Species:.....

Hình thức/Product form:.....Khu vực đánh Catch area:.....

Khối lượng/Quantity:.....kg

22. Tổng lượng cá đã đánh bắt có trên tàu/Total catch onboard:

Đôi tượng khai thác/Fishing Species:

.....

Hình thức sản phẩm/Product form:

.....

Khu vực khai thác/Catch area: Khối lượng/Quantity:kg.

23. Tổng sản lượng cá sẽ được bốc dỡ/Catch to be offloaded:kg

TT/No.	Người nhập khẩu/ importer	Loài/species	Khối lượng/ volume (kg)	Tổng/Total
....				
....				
....				

**NGƯỜI KHAI BÁO/
DECLARER**
(Ký tên/Signature)

¹: Tổ chức Hàng hải quốc tế/International Maritime Organization.

²: Tổ chức Quản lý nghề cá khu vực/Regional Fisheries Management Organization.

³: Hệ thống giám sát tàu thuyền/Vessel monitoring system.